

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/DS-ST

Ngày: 18-5-2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt;

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vinh Sử - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A; địa chỉ: Số 442, Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Vũ Thị Anh Đ – Giám đốc Phòng quản lý nợ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ: Ông Nguyễn Hoàng Vũ T – Nhân viên Phòng quản lý nợ (có mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 11, ấp T, xã S, huyện C, tỉnh N (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 10/6/2021 của Ngân hàng cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng là ông T trình bày:

Ngày 25/11/2019, Ngân hàng thương mại cổ phần A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có cho chị L vay số tiền 470.000.000 đồng để sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động, bổ sung vốn kinh doanh mua bán hàng nông sản theo Hợp đồng cấp tín dụng số TBI.CN.2767.221119; lãi suất cho vay 11,5%/năm trong 03 tháng đầu, sau đó lãi điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức cộng thêm 4%/năm, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay, lãi phạt chậm trả lãi là 10%/năm; thời hạn vay là 10 tháng. Đến ngày 25/9/2020 thì đến hạn trả nợ nhưng đến nay chị L cũng không trả.

Khi vay, chị L có thể chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01809 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho chị L ngày 22/01/2018, đối với thửa đất số 73, tờ bản đồ số 34, tọa lạc tại ấp Tân Cường, xã Tân Hà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo Hợp đồng thế chấp số TBI.BĐCN.382.221119, được công chứng tại Phòng Công chứng số 3 tỉnh Tây Ninh vào ngày 25/11/2019.

Nay Ngân hàng yêu cầu chị L trả cho Ngân hàng 470.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 18/3/2022 là 123.901.613 đồng, tổng cộng là 593.901.613 đồng; yêu cầu tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận ghi trong Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và chị L từ ngày 19/3/2022 cho đến khi chị L trả hết nợ; yêu cầu xử lý tài sản chị L đã thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ cho Ngân hàng. Ngoài ra, Ngân hàng không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Thu L vắng mặt nên không có lời trình bày.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 117, 299, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; các Điều 146, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với chị L. Buộc chị L có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng 470.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng.

+ Buộc chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là chị L vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị L.

[2] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa, ông T đại diện cho Ngân hàng yêu cầu chị L trả cho Ngân hàng 470.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 18/5/2022 là 137.186.147 đồng, tổng cộng là 607.186.147 đồng; yêu cầu tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận ghi trong Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và chị L từ ngày 19/5/2022 cho đến khi chị L trả hết nợ; yêu cầu xử lý tài sản chị L đã thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[2.1] Xét yêu cầu trả tiền gốc của Ngân hàng thấy rằng: Theo Hợp đồng cấp tín dụng số TBI.CN.2767.221119 ngày 25/11/2019 thể hiện chị L có vay của Ngân hàng số tiền 470.000.000 đồng, mục đích vay để sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động, bổ sung vốn kinh doanh mua bán hàng nông sản; lãi suất cho vay 11,5%/năm trong 03 tháng đầu, sau đó lãi điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức cộng thêm 4%/năm, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay, lãi phạt chậm trả lãi là 10%/năm; thời hạn vay là 10 tháng. Như vậy, có đủ căn cứ xác định chị L có vay Ngân hàng khoản tiền trên là có thật. Căn cứ vào Bảng tính lãi theo tài khoản ngày 24/01/2022 do Ngân hàng cung cấp có đủ căn cứ xác định chị L chưa trả cho Ngân hàng khoản tiền gốc trên, Hợp đồng tín dụng trên cũng đã quá hạn trả. Phía chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt, không có chứng cứ phản bác nên xem như không thực hiện được nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự và phải chịu hậu quả pháp lý của việc không thực hiện nghĩa vụ chứng minh của mình. Vì vậy, cần buộc chị L có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng 470.000.000 đồng tiền gốc đối với khoản vay trên là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[2.2] Xét yêu cầu trả lãi của Ngân hàng thấy rằng: Căn cứ vào Hợp đồng cấp tín dụng trên, Bảng tính lãi theo tài khoản ngày 18/5/2022 của Ngân hàng cung cấp thấy rằng yêu cầu của ông T tại phiên tòa về tiền lãi là có căn cứ cần chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Buộc chị L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng 4.442.466 đồng tiền lãi trong hạn, 132.014.630 đồng tiền lãi quá hạn, 729.051 đồng tiền lãi chậm trả lãi, tổng cộng là 137.186.147 đồng. Buộc chị L tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng trên tính từ ngày 19/5/2022 cho đến khi chị L trả xong nợ cho Ngân hàng.

[2.3] Như vậy, tổng số tiền gốc và tiền lãi của khoản vay trên mà chị L phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 18/5/2022 là 607.186.147 đồng.

[2.4] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng thấy rằng: Căn cứ vào Hợp đồng thế chấp số TBI.BĐCN.382.221119, được công chứng tại Phòng Công chứng số 3 tỉnh Tây Ninh vào ngày 25/11/2019, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng thế chấp này đã được công chứng và đăng ký việc thế chấp đúng theo quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng; tài sản đã thế chấp cần được tiếp tục đảm bảo và ưu tiên thanh toán để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của chị L là phù hợp với quy

định tại các Điều 299, 317, 320 của Bộ luật Dân sự 2015. Như vậy, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 73, tờ bản đồ số 34, tọa lạc tại ấp Tân Cường, xã Tân Hà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01809 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho chị L ngày 22/01/2018 được tiếp tục đảm bảo và ưu tiên thanh toán để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trên của chị L.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chị L phải chịu 2.000.000 đồng để trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc chị L phải chịu 28.287.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 299, 317, 320, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; các Điều 146, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A đối với chị Nguyễn Thị Thu L về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

Buộc chị Nguyễn Thị Thu L có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A 470.000.000 (bốn trăm bảy mươi triệu) đồng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 18/5/2022 là 137.186.147 (một trăm ba mươi bảy triệu một trăm tám mươi sáu nghìn một trăm bốn mươi bảy) đồng, tổng cộng là 607.186.147 (sáu trăm lẻ bảy triệu một trăm tám mươi sáu nghìn một trăm bốn mươi bảy) đồng.

Kể từ ngày 19/5/2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án là chị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng số TBL.CN.2767.221119 ngày 25/11/2019.

Tài sản là quyền sử dụng đất của chị Nguyễn Thị Thu L đã được thế chấp hợp pháp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thì tiếp tục được đảm bảo và được ưu tiên thanh toán để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ đối với số tiền nói trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A, là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 73, tờ bản đồ số 34, tọa lạc tại ấp Tân Cường, xã Tân Hà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01809 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho chị Nguyễn Thị Thu L ngày 22/01/2018.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chị Nguyễn Thị Thu L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng.

Kể từ ngày Ngân hàng thương mại cổ phần A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị L không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng chị L còn phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Thu L phải chịu 28.287.000 (hai mươi tám triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A 12.548.000 (mười hai triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0002204 ngày 13/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Chung